

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày 22-12-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diện

2. Bà Bùi Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 30/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 07/11/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

***Bị đơn:** Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng

(Bà P có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết nên bà P cho vợ chồng ông C, bà V vay

tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 02/8/2021 ông C, bà V vay số tiền 400.000.000 đồng lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/1 tháng, thời hạn vay là 3 tháng; ngày 08/8/2021 ông C, bà V tiếp tục vay số tiền 200.000.000 đồng khoản này các bên không ghi lãi suất. Khi vay khoản 400.000.000 đồng ông C, bà V có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V ngày 02/8/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756730 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V ngày 04/4/2012, nhưng các bên không công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Sau khi vay ông C, bà V có trả lãi cho bà P được số tiền 30.000.000 đồng. Tuy bà P đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà V trả nợ nhưng ông C, bà V không trả. Nay bà P khởi kiện yêu cầu ông C, bà V trả toàn bộ số tiền gốc là 600.000.000 đồng, và tiền lãi của khoản 400.000.000 đồng là 20%/1 năm 110.000.000 đồng – 30.000.000 đồng ông C, bà V đã trả, tiền lãi còn lại là 80.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Văn C trình bày: Ông C và bà V thừa nhận có mượn tiền của bà P nhiều lần, tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi như bà P trình bày là đúng. Do vợ ông C và bà V không có mặt nên không xử lý tài sản để trả nợ cho bà P được.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Tường V đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền 600.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo như bà P yêu cầu.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn C nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V có nghĩa vụ trả nợ trả số tiền gốc 600.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền lãi, bị đơn ông Đoàn Văn C cũng thừa nhận nợ và tiền lãi như bà P trình bày, người liên quan bà V không có mặt trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy vay tiền ngày 02/8/2021 ông C, bà V vay số tiền 400.000.000 đồng lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 3 tháng và giấy vay tiền ngày 08/8/2021 ông C, bà V vay số tiền 200.000.000 đồng khoản này các bên không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ. Bà P trình bày đã yêu cầu ông C bà V trả nợ nhiều lần nhưng ông C, bà V không trả, ông C cũng thừa nhận số nợ trên nên việc khởi kiện của bà P là có căn cứ. Về lãi suất tại phiên tòa bà P chỉ yêu cầu tính lãi suất của khoản vay 400.000.000 đồng là 20%/1 năm, tính đến ngày xét xử là 16 tháng 20 ngày = 110.000.000 đồng trừ đi 30.000.000 đồng ông C bà V đã trả, lãi còn lại là 80.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện của bà P nên cần chấp nhận. Từ những nhận định ở trên Hội đồng xét xử xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần buộc ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 680.000.000 đồng trong đó có 600.000.000 đồng tiền gốc và 80.000.000 đồng tiền lãi.

Đối với việc bà P có nhận thế chấp của ông C, bà V 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V ngày 02/8/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756730 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V ngày 04/4/2012, các bên chỉ giao cho nhau làm tin mà không lập hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật do vậy cần buộc bà P phải trả cho ông C, bà V 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản gồm:

1- Quyền sử dụng đất diện tích 748,26m² thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756731 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/4/2012 cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V.

2- Quyền sử dụng đất diện tích 327 m² thuộc thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756730 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/4/2012 cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V.

3- Quyền sử dụng đất diện tích 227,5m² thuộc thửa đất số 531, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983852 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/8/2011 cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V.

4- Quyền sử dụng đất diện tích 227,5m² thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983851 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/8/2011 cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V.

5- Quyền sử dụng đất diện tích 227,5m² thuộc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983849 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/8/2011 cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V.

6- Quyền sử dụng đất diện tích 227,5m² thuộc thửa đất số 534, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/8/2011 cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V

Tại phiên tòa bà P yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là phù hợp và có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn như vậy là phù hợp theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P đối với bị đơn là ông Đoàn Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tường V về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

1.1 Buộc ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng), trong đó có 600.000.000 đồng tiền gốc và 80.000.000 đồng tiền lãi.

1.2 Buộc bà Nguyễn Thị Bích P trả cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V ngày 02/8/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756730 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V ngày 04/4/2012.

1.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4 Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 03/8/2022 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

1.5 Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/Về án phí: Buộc ông Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 31.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 16.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000733 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên.

3/Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Cát Tiên;
- Chi cục THADS huyện Cát Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng